

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2018/HSST.
Ngày 17/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Năm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Tiến và ông Nguyễn Đức Năm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Y, tỉnh Bắc Ninh phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2018/HSST ngày 05/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST-HS ngày 04/10/2018 đối với ***bị cáo:***

Họ và tên: **Hoàng Văn B**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: Lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Nh; gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; vợ: Lương Thị Lan A; có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 - Vắng mặt

Trú tại: Thôn Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Th đang có mong muốn kháng cáo Bản án số 04/2017/DSST ngày 21/02/2017 xét xử dân sự sơ thẩm vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân (TAND) huyện Y nên nhờ Hoàng Văn B thuê Luật sư lo thủ tục

kháng cáo. Sau khi hai bên thỏa thuận chi phí thuê Luật sư, B đã nói với chị Th đưa cho B 50.000.000đ để B đưa cho Thẩm phán TAND tỉnh B để xét xử phúc thẩm có lợi cho chị Th nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Ngày 10/5/2017, tại nhà anh Nguyễn Văn T (em ruột chồng chị Th) ở thôn Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, chị Th đã đưa cho B 50.000.000đ, sau khi nhận tiền B không đưa cho ai mà đã tiêu sài cá nhân.

Bản Cáo trạng số 137/CT-VKS ngày 28/8/2018 của Viện trưởng VKSND huyện Y đã truy tố Hoàng Văn B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (BLHS 1999).

Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng và khai nhận: B không quen biết gì chị Nguyễn Thị Th và chị Nguyễn Thị L ở thôn Tr, xã Y, huyện Y. Khoảng cuối tháng 02/2017, vợ B (Lương Thị Lan A) nói có người quen là chị Th, chị L nhờ xem giúp Bản án Dân sự của TAND huyện Y thì B có liên lạc với chị L hỏi về Bản án trên và bảo chị L gửi Bản án cho B. Sau đó, B có xuống nhà gặp chị L, chị Th và anh T, B hỏi về nguồn gốc đất tranh chấp. Sau đó B cầm Bản án đi hỏi một số người làm nghề luật sư ở Thành phố Hà Nội thì được nhiều luật sư tư vấn là có thể kháng cáo xét xử phúc thẩm việc tranh chấp đất đó và chia lại đất thành 05 phần cho bà V và các con của bà V (trước đó Bản án chia làm 02 phần). Thấy vậy, B soạn sẵn 02 đơn kháng cáo cho chị Th, anh T rồi đi xuống nhà chị L (vợ anh T) nói lại ý kiến của luật sư, đưa đơn kháng cáo cho chị Th, anh T ký rồi đưa anh T, chị L, chị Th ra TAND huyện Y nộp đơn kháng cáo. Xong việc, về nhà anh T, B nói chị Th tạm ứng cho B 30.000.000đ để chi phí đi lại lo việc kháng cáo và thuê luật sư, chị Th đồng ý và đưa cho B 30.000.000đ. Sau đó B đi ra Hà Nội, liên hệ hỏi nhiều luật sư, nhiều văn phòng luật thì được biết chi phí thuê luật sư kháng cáo hết khoảng 50 đến 70.000.000đ/người và việc kháng cáo về đất đai có thể kéo dài, xét xử lâu, phải đi lại nhiều nên cả tiền thuê xe đưa đón luật sư, tiền ăn uống, các chi phí khác, tiền công của B thì mỗi người hết khoảng 100.000.000đ. B nghĩ số tiền chị Th, chị L bỏ ra kháng cáo tốn nhiều nên tiền công của B ít nên B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị Th. B gọi điện cho chị L để thông cho chị Th chi phí thuê luật sư lo việc kháng cáo cùng nhiều chi phí khác hết 100.000.000đ/người. Ngoài ra, còn phải đưa cho B số tiền 50.000.000đ để B đưa cho Thẩm phán TAND tỉnh B nhờ xét xử phúc thẩm có lợi cho vợ chồng chị L, anh T. Mấy hôm sau, chị L gọi điện cho B bảo xuống nhà chị L để nói chuyện. Buổi chiều một ngày tháng 3/2017, B cùng vợ và con trai 04 tuổi xuống nhà chị L thì chị Th và chị L nói nhiều tiền quá phải suy nghĩ và trả lời B sau, B cùng vợ và con đi về. Mấy hôm sau chị L điện cho B nói chị Th đồng ý B nhờ lo việc kháng cáo nhưng B phải viết giấy biên nhận. Khoảng 20 giờ ngày 24/3/2017, B cùng vợ và con nhỏ xuống nhà chị L, Chị Th đưa cho B 170.000.000đ và yêu cầu B viết giấy với nội dung nhận số tiền 200.000.000đ (bao gồm 30.000.000đ ứng trước) của chị Th để lo thủ tục thuê luật sư kháng cáo Bản án của TAND huyện Y chia mảnh đất đang tranh chấp thành 05 phần theo hàng thừa kế thứ nhất, nếu không được B sẽ hoàn trả số tiền

trên cho chị Th. B nhận tiền và nói khi nào TAND tỉnh B chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì đưa cho B số tiền 50.000.000đ. Sau khi nhận được tiền của chị T, B tiếp tục ra Hà Nội liên hệ nhiều văn phòng luật sư để hỏi về việc kháng cáo nhưng các văn phòng trên đều báo phí thuê luật sư từ 50 đến 70.000.000đ/người) nên B đến Công ty Luật TNHH F (gọi tắt là Công ty F) ở Thành phố B, tỉnh Bắc Giang và gặp ông Vũ Trọng B là luật sư của Công ty Luật TNHH F hỏi thủ tục thuê luật sư kháng cáo Bản án. Ông B nói phải có giấy ủy quyền của chị Th và mức phí thuê luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Th là 25.000.000đ. B đón chị Th và anh T đi làm thủ tục ủy quyền cho B thuê luật sư, sau đó B đến Công ty F nộp phí thuê luật sư hết 25.000.000đ và ký hợp đồng thuê luật sư B. Ông B đề nghị B đưa chị Th và anh T đến gặp để hỏi rõ một số vấn đề liên quan đến tranh chấp đất, rồi đưa ông B về xã Y, huyện Y tìm hiểu về nguồn gốc đất để có cơ sở bảo vệ tại phiên tòa của TAND tỉnh B. Đến đầu tháng 5/2017, chị Th và chị L thông báo cho B biết TAND tỉnh B chuẩn bị xét xử vụ án đó. Theo thỏa thuận, chiều ngày 10/5/2017, B xuống nhà chị L, chị Th đã đưa cho B 50.000.000đ. B ký giấy nhận số tiền 200.000.000đ và 50.000.000đ do chị Th viết sẵn. Sau khi có kết quả xét xử của TAND tỉnh B, chị L điện cho B nói không chia đất làm 05 phần mà vẫn xử như cũ và chị Th yêu cầu B trả lại số tiền B đã nhận, B đồng ý. B nói với chị Th số tiền 200.000.000đ chi phí thuê luật sư hết 25.000.000đ và đi lại chi phí tốn kém nên B đề nghị chị Th chỉ cho B 50.000.000đ, còn B trả lại, chị Th chỉ đồng ý chỉ cho B 10.000.000đ, còn số tiền 50.000.000đ đã đưa cho Thẩm phán của Tòa án tỉnh chưa đòi được. Do bố B đang điều trị bệnh ung thư tại Hà Nội nên một thời gian sau B mới gặp chị Th và hai bên thống nhất chị Th chỉ cho B tiền thuê luật sư và tiền chi phí đi lại là 50.000.000đ nên B đã trả lại cho chị Th 150.000.000đ. Số tiền 50.000.000đ B không đưa cho ai cả mà tiêu sài hết, nay B đã trả lại chị Th.

Chị Nguyễn Thị Th - Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai tại Cơ quan điều tra (CQĐT) có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 21/02/2017, TAND huyện Y xét xử vụ án “Kiện đòi quyền sử dụng đất” giữa bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn T. TAND huyện Y tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V; bà V được ½ diện tích đất của hộ ông Nguyễn Văn B (chồng bà V) phần diện tích còn lại thuộc quyền sở hữu chung của hàng thừa kế thứ nhất của ông B gồm: Bà V, anh Nguyễn Văn Ti, chị Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T. Sau khi xét xử, thấy Bản án của TAND huyện Y đã tuyên không phù hợp nên chị Th, anh T và chị L có bàn về việc đi tìm người để hỏi về Bản án trên. Chị Th và chị L đi lên thành phố B gặp chị Lương Thị Lan A là bạn quen biết chị L để nhờ Lan A xem giúp Bản án thì chị Lan A nói để hỏi B (chồng chị Lan A) xem có giúp được không vì B quen biết nhiều. Mấy hôm sau B xuống nhà anh T (chồng L) ở cạnh nhà chị Th. Tại đây, B nói cho chị Th, chị L, anh T có thể kháng cáo Bản án trên để chia mảnh đất của hộ B thành 05 phần, B soạn sẵn 02 đơn kháng cáo cho chị Th và anh T ký sau đó B đưa anh T, chị Th ra TAND huyện Y nộp đơn kháng cáo. Sau khi nộp đơn kháng cáo xong, B nói tạm ứng cho B số tiền 30.000.000đ để chi phí đi lại lo việc kháng cáo và thuê luật sư và nói chị làm thủ tục ủy quyền cho B đi thuê luật sư và chị đã ủy quyền

cho B. B cũng đã đưa chị Th, chị L và anh T đi gặp luật sư B ở Bắc Giang. Khoảng tháng 3/2017, B cùng vợ là chị Lan A xuống nhà chị L và nói với chị Th và chị L là chi phí đi lại, thuê luật sư, công đi lại cùng nhiều chi phí khác hết khoảng 100.000.000đ/người. Ngoài ra còn phải đưa cho Tòa án xử phúc thẩm 50.000.000đ chị Th đồng ý và hẹn để thu xếp tiền. Khoảng 20 giờ ngày 24/3/2017, B cùng chị Lan A xuống nhà chị L. Chị Th yêu cầu B viết giấy nhận tiền và B viết giấy với nội dung nhận số tiền 200.000.000đ của chị Th để lo thủ tục thuê luật sư kháng cáo Bản án của TAND huyện Y để xét xử đảm bảo quyền lợi theo yêu cầu của chị Th, nếu không được B sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền. Sau khi B viết giấy nhận tiền, chị Th vay của chị L 170.000.000đ và đưa cho B. B nhận tiền và nói khi nào TAND tỉnh B chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì đưa cho B số tiền 50.000.000đ. Chiều ngày 10/5/2017, B đi xuống nhà chị L và chị Th đưa cho B số tiền 50.000.000đ. Chị Th viết sẵn giấy nhận số tiền 200.000.000đ và 50.000.000đ và đưa cho B ký. Ngày 23/6/2017, TAND tỉnh B xét xử phúc thẩm vụ án trên nhưng không chia đất làm 05 phần như B nói với chị Th. Sau đó chị Th, chị L yêu cầu B trả lại số tiền B đã nhận, B đồng ý và đề nghị chị Th trừ cho số tiền chi phí thuê Luật sư và đi lại là 60.000.000đ trong số 200.000.000đ nhưng chị Th chỉ đồng ý 10.000.000đ. Chị Th gọi điện nhiều lần nhưng B vẫn chưa trả lại tiền. Nghi ngờ B lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên ngày 31/10/2017, chị Th gửi đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của B. Sau đó, chị Th và B đã thỏa thuận được số tiền công và chi phí thuê luật sư của B là 50.000.000đ, còn 150.000.000đ B phải trả lại cho chị Th. Đến ngày 01/01/2018, B đã trả lại chị Th 150.000.000đ. Đồng thời B cũng trả lại cho chị Th số tiền 50.000.000đ mà B đã chiếm đoạt của chị Th. Chị Th đã nhận lại đủ số tiền, không yêu cầu B phải bồi thường gì khác về mặt dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Nguyễn Thị L-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai tại CQĐT có trong hồ sơ thể hiện: Chồng chị (T) và chồng chị Th (Ti) là hai anh em ruột có liên quan đến Bản án của TAND huyện Y đã xét xử, không đồng tình với Bản án nên muốn tìm người hỏi để kháng cáo. Do quen biết chị Lương Thị Lan A công tác ở Ngân hàng nên chị và chị Th có gặp chị Lan A để hỏi nhưng chị Lan A nói không biết và để hỏi chồng chị (B) xem có giúp được không. Sau đó B có điện thoại cho chị thông báo chi phí thuê luật sư lo việc kháng cáo cùng các chi phí khác hết 100.000.000đ/người. Ngoài ra, còn phải đưa cho B số tiền 50.000.000đ để B đưa cho Thẩm phán TAND tỉnh B nhờ xét xử phúc thẩm có lợi cho vợ chồng anh Ti và anh T, chị L nói để hỏi chị Th thì chị Th đồng ý và chị L đã thông báo lại cho B. Sau đó B có làm đơn kháng cáo sẵn cho chị Th và anh T ký rồi đưa vợ chồng chị cùng chị Th đi nộp đơn kháng cáo và đi làm thủ tục thuê luật sư. Chị Th đã đưa cho B tổng cộng 250.000.000đ, do chị Th không có tiền nên chị L cho chị Th vay 220.000.000đ. Nay B đã trả lại chị Th và chị Th đã trả lại chị đầy đủ nên chị không yêu cầu về bồi thường dân sự đối với chị Th và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên tòa khẳng định: Ngày 10/5/2017 tại gia đình chị Nguyễn Thị L ở thôn Tr, xã Y, huyện Y, Hoàng Văn

B đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Th 50.000.000đ nên đã giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố Hoàng Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi phân tích tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đã đề nghị HĐXX áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS 1999 xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 24-28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48-56 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa thể hiện: Ngày 10/5/2017 tại gia đình chị Nguyễn Thị L ở ở thôn Tr, xã Y, huyện Y, Hoàng Văn B đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Th 50.000.000đ. Do vậy đại diện VKSND huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị HĐXX tuyên bố Hoàng Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về áp dụng BLHS: Theo BLHS 1999 thì tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 139 với mức hình phạt của khung tăng nặng tại Điểm e Khoản 2 quy định mức hình phạt từ 02-07 năm tù đối với người chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ. Theo BLHS 2015 thì tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 174 với mức hình phạt của khung tăng nặng tại Điểm c Khoản 2 quy định mức hình phạt từ 02-07 năm tù đối với người chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ. Như vậy hai Bộ luật quy định mức hình phạt ngang nhau nên áp dụng BLHS 2015 để xét xử đối với bị cáo.

Bị cáo lần đầu phạm tội, tài sản chiếm đoạt trị giá 50.000.000đ nên hành vi của bị cáo phạm vào Điểm c Khoản 2 Điều 174 BLHS.

Xét về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của công dân mà còn làm mất trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận xấu đối với cơ quan bảo vệ pháp luật nên hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Không có tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, từ trước đến nay chưa có sai phạm gì. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 BLHS nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại Khoản 1 Điều 51 BLHS nên cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục và cải tạo bị cáo.

Bị cáo chưa có việc làm ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự giải quyết xong và tự nguyện không yêu cầu bồi thường nên ghi nhận sự tự nguyện đó.

Đối với chị Lương Thị Lan A đi cùng B nhận tiền của chị Th nhưng không biết việc Bắc lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên CQĐT không xử lý là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Hoàng Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS).

Phạt: Hoàng Văn B 24 (Hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao cho UBND xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Ninh nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự (LTHAHS). Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của LTHAHS 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo.

**Về trách nhiệm dân sự:* Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu bồi thường của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 LTHADS thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 LTHADS. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh.
- VKS, CA, THADS huyện.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Đức Năm